ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM SÁCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /ĐA-UBND	*Nam Sách, ngày 29 tháng 6 năm 2026*

ĐỀ ÁN
Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn xã Nam Sách năm 2026

PHẦN 1
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có vai trò hết sức quan trọng, là lực lượng quyết định trực tiếp đến chất lượng giáo dục và sự phát triển của hệ thống giáo dục quốc dân. Phát triển và nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là yếu tố then chốt, quan trọng nhất, quyết định sự thành bại của sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo. Trong đó, xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu chức danh theo vị trí việc làm, đảm bảo về chất lượng là một trong những giải pháp hết sức quan trọng và cấp thiết để đào tạo nguồn nhận lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Một trong các giải pháp đó là việc thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, chính sách tiền lương, phụ cấp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ngành giáo dục nói chung và đội ngũ giáo viên nói riêng, nhằm đảm bảo hợp lý về cơ cấu các chức danh nghề nghiệp giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông đảm nhiệm được sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước.

Việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I là một trong những giải pháp quan trọng trong công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhằm đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho đội ngũ giáo viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; đồng thời động viên, khuyến khích đội ngũ giáo viên, nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác, yêu cầu nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập và phù hợp với quy định hiện hành về quản lý viên chức. Đối với mỗi giáo viên được tham dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp là cơ hội để kiểm tra và khẳng định mình trong quá trình rèn luyện, thăng tiến nghề nghiệp. Việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp là một trong những nội dung quan trọng trong công tác xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo có phẩm chất chính trị, đạo đức, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ

đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Căn cứ quy định về việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, để kịp thời thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập. Ủy ban nhân dân xã Nam Sách xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn xã Nam Sách năm 2026.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

2. Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

3. Các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 93/2026NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà giáo;

4. Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, ngày 02/02/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề

nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học; Thông tư 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GD&ĐT thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

5. Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức; Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

6. Các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố: Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng; Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022.

7. Công văn số 2108/UBND-NVKTGS ngày 08/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện một số nội dung phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng sau khi hợp nhất; Công văn 7452/SNV-CCVC ngày 22/9/2025 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng sau hợp nhất; Công văn số 7676/SGDĐT-TCCB ngày 15/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đảm bảo đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông năm học 2025-2026 và chế độ, chính sách đối với viên chức;

8. Công văn số 2083/SGSĐT&TCCB ngày 09/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng về việc rà soát, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc cấp xã; Công văn 2755/SNV-CCVC ngày 27/5/2026 của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên; Công văn số 3303/SGSĐT&TCCB ngày 02/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng về việc rà soát công tác bổ nhiệm CDNN và xếp lương giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên.

9. Công văn số 3687/SGDĐT-TCCB ngày 17/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng về việc cho ý kiến về Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập trực thuộc xã Nam Sách; Công văn số 3616/SNV-CCVC ngày 28/6/2026 của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập xã Nam Sách.

10. Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Nam Sách về việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Nam Sách;

III. CĂN CỨ THỰC TIỄN

1. Thực trạng cơ cấu CDNN viên chức trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập hiện nay

Theo báo cáo thống kê từ các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập tính đến ngày 20/6/2026, tổng số viên chức trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn xã: 440 người (*có biểu tổng hợp chi tiết kèm theo*).

2. Chỉ tiêu thăng hạng CDNN

Tổng chỉ tiêu thăng hạng CDNN viên chức: 10 chỉ tiêu, cụ thể:

Hạng I: 06 chỉ tiêu (khối Mầm non: 02; Khối Tiểu học: 02; khối THCS: 02).

Hạng II: 04 chỉ tiêu (Khối Tiểu học: 04).

(*có biểu tổng hợp chi tiết kèm theo*)

3. Nhu cầu thăng hạng CDNN

Theo báo cáo của các trường học trên địa bàn xã, nhu cầu thăng hạng CDNN năm 2026 là: 10 người *(trong đó: 02 viên chức lãnh đạo quản lý; 08 giáo viên)*, cụ thể:

Hạng I: 06 người (khối Mầm non: 02; Khối Tiểu học: 02; khối THCS: 02)

Hạng II: 04 người (Khối Tiểu học: 04)

(*có biểu tổng hợp chi tiết kèm theo*)

PHẦN 2

NỘI DUNG THỰC HIỆN

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Lựa chọn được những viên chức đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế;

- Đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho viên chức; khắc phục những bất hợp lý về cơ cấu chức danh nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị và phù hợp với quy định hiện hành về quản lý viên chức;

- Động viên, khuyến khích viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2. Yêu cầu và nguyên tắc xét thăng hạng

- Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và được cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng có văn bản cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

- Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

II. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Đối tượng

Viên chức giảng dạy chương trình giáo dục mầm non, phổ thông, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông (sau đây gọi chung là giáo viên mầm non, phổ thông công lập) đã được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông, đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập có nhu cầu dự xét thăng hạng lên các chức danh nghề nghiệp sau:

- Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non: hạng I (mã số V.07.02.24).

- Chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học: hạng I (mã số V.07.03.27); hạng II (mã số V.07.03.28).

- Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở: hạng I (mã số V.07.04.30).

2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng

2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

Căn cứ quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ, viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (*không tính thời gian tập sự*) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (*nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn*) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể

Căn cứ quy định tại Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

2.2.1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I:

- Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng.

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Có bằng cử nhân giáo dục mầm non trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non và có bằng cử nhân quản lý giáo dục trở lên;

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Tích cực chủ động thực hiện và tuyên truyền vận động, hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non vào công việc nhiệm vụ được giao;

+ Thực hiện sáng tạo, linh hoạt; chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện được chương trình, kế hoạch giáo dục mầm non;

+ Tích cực chủ động chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp, cha mẹ và người giám hộ trẻ em và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em; có khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên cốt cán;

+ Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm;

+ Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới) trở lên hoặc được nhận bằng khen hoặc giấy khen từ cấp tỉnh trở lên.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (*bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương*) theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng. Cụ thể:

+ Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

+ Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

+ Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04) hoặc giữ ngạch giáo viên mầm non cao cấp (mã số 15a.205) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25).

2.2.2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I:

- Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng.

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 2, khoản 5 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 4 Điều 5 Thông tư Số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Tích cực, chủ động thực hiện và tuyên truyền vận động, hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học vào các nhiệm vụ được giao.

+ Chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục để phù hợp với học sinh, nhà trường, địa phương; hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện tốt kế hoạch giảng dạy, giáo dục.

+ Tích cực, chủ động chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh.

+ Có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm các sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới) trở lên.

+ Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

+ Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp bộ/ban/ngành/tỉnh trở lên; hoặc bằng khen từ cấp tỉnh trở lên; hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi từ cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới) trở lên.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

+ Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07) hoặc giữ ngạch giáo viên tiểu học cao cấp (mã số 15a.203) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28).

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2.3. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II:

- Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng.

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học và triển khai thực hiện có kết quả vào nhiệm vụ được giao;

+ Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục; chủ động, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

+ Có khả năng vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh) và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách;

+ Tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh;

+ Vận dụng được các kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào thực tế giảng dạy, giáo dục; có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm các sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp trường trở lên;

+ Có khả năng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: tham gia ban giám khảo, thanh tra, kiểm tra; xây dựng và thực hiện được các chuyên đề dạy học;

+ Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm;

+ Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; hoặc được nhận bằng khen, giấy khen từ cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới) trở lên; hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi từ cấp trường trở lên, giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi từ cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới) trở lên.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP. Cụ thể:

+ Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín)

năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

+ Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) nếu đã có bằng thạc sỹ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học hạng II và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2.4. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I:

- Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng.

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I theo quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở.

+ Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i khoản 4 Điều 5 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại điểm i khoản 4 Điều 5 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương. Cụ thể:

+ Tích cực, chủ động thực hiện và tuyên truyền vận động, hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở vào nhiệm vụ được giao;

+ Có khả năng thực hiện và hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp xây dựng bài học theo chủ đề liên môn;

+ Có khả năng thực hiện và hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc vận dụng phương pháp, công nghệ dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

+ Vận dụng và hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc sử dụng các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

+ Vận dụng và hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc triển khai có hiệu quả các biện pháp tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh, cách lồng ghép trong hoạt động dạy học và giáo dục;

+ Có khả năng đề xuất với nhà trường các biện pháp tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh;

+ Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm về phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

+ Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp bộ/ban/ngành/tỉnh trở lên; hoặc bằng khen từ cấp tỉnh trở lên; hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi từ cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới) trở lên.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

+ Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.10) hoặc giữ ngạch giáo viên trung học cao cấp (mã số 15.112) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30).

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng CDNN của viên chức bao gồm:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; hồ sơ xét nâng ngạch viên chức gồm có:

a) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức.

b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức (hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

d) Bản sao các minh chứng đáp ứng những yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng quy định tại Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

e) Bản sao các minh chứng về bằng khen, giấy khen theo quy định tại Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

g) Bản sao các văn bản: Quyết định bổ nhiệm vào CDNN; Quyết định bổ nhiệm ngạch hoặc Quyết định tuyển dụng để tính thời gian giữ ngạch/chức danh theo quy định; Quyết định bổ nhiệm chức vụ theo quy định (*trường hợp bổ nhiệm Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn giữa năm học thì bổ sung thêm căn cứ bổ nhiệm trong trường hợp thay thế người nghỉ hưu, chuyển công tác*).

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của giáo viên được xếp theo thứ tự hồ sơ kể trên và được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 05 mm.

Lưu ý:

- Đối với các thành phần hồ sơ quy định và các minh chứng nộp kèm (nếu có) và mốc thời gian tính giữ chức danh nghề nghiệp và thời gian tốt nghiệp trình độ chuyên môn theo yêu cầu thì tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

- Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về điều kiện, tiêu chuẩn đối với viên chức được cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đảm bảo không đang trong thời hạn xử lý kỷ luật; không đang trong thời gian bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; không đang trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, viên chức có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu. Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử đi dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, CÁCH XÁC ĐỊNH VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG

1. Nội dung xét thăng hạng:

Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định khoản 19, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các quy định cụ thể tại Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

3.1. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng không quá số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:

(1) Là người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và được cụ thể hoá tại Điều 3 hoặc Điều 4 với giáo viên mầm non; Điều 5 hoặc Điều 6 với giáo viên tiểu học; Điều 7 hoặc Điều 8 với giáo viên trung học cơ sở của Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(2) Được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trên cơ sở đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của hạng dự xét.

3.2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:

(1) Là người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và được cụ thể hoá tại Điều 3 hoặc Điều 4 với giáo viên mầm non; Điều 5 hoặc Điều 6 với giáo viên tiểu học; Điều 7 hoặc Điều 8 với giáo viên trung học cơ sở của Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(2) Viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng được xác định trong số viên chức có thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp tại khoản 4 Mục IV của Đề án này từ 1 cho đến hết chỉ tiêu theo từng đơn vị.

(3) Được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trên cơ sở đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của hạng dự xét.

Lưu ý: *Viên chức không trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần này thì không được bảo lưu kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.*

4. Thứ tự ưu tiên trong xét thăng hạng

Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

Thứ tự thành tích ưu tiên theo cấp độ từ cao xuống thấp như sau:

(1) Huân chương lao động, Nhà giáo ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

(2) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Chiến sỹ thi đua thành phố/tỉnh; Bằng khen của Thành uỷ/Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND thành phố/tỉnh (khen thưởng công trạng).

(4) Bằng khen của bộ, ban, ngành, thành phố, tỉnh (khen thưởng phong trào thi đua, khen thưởng đột xuất).

(5) Bằng khen của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội của thành phố/tỉnh.

(6) Chiến sỹ thi đua cơ sở.

(7) Giấy khen của các sở, ngành, đoàn thể cấp thành phố/Tỉnh.

(8) Giấy khen cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới).

Lưu ý:

+ Thứ tự khen thưởng tính từ cao xuống thấp, khen thưởng công trạng trước, phong trào thi đua, đột xuất sau.

+ Các thành tích trong cùng một cấp độ là tương đương.

+ Nếu trong cùng mức cấp độ thành tích (ví dụ ở mức 7 - Giấy khen của các sở, ngành, đoàn thể cấp thành phố/Tỉnh) thì viên chức có số minh chứng nhiều hơn được xác định là thành tích cao hơn.

b) Viên chức là nữ;

c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

d) Viên chức nhiều tuổi hơn (*tính theo ngày, tháng, năm sinh*);

đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Minh chứng để xét nội dung ưu tiên trên gồm: bản sao các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và các thông tin trong hồ sơ cá nhân (*quy định thành phần hồ sơ đăng ký xét thăng hạng*) làm căn cứ xác định nội dung ưu tiên.

Trong trường hợp xét theo thứ tự ưu tiên vẫn không xác định được người trúng tuyển thì kết quả xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng quyết định theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

5. Thông báo kết quả xét thăng hạng

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

c) Trong trường hợp Hội đồng xét thăng hạng đã thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng mà phát hiện viên chức trúng tuyển vi phạm các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật; sử dụng các văn bằng, chứng chỉ, văn bản không hợp lệ (nộp trong hồ sơ dự xét thăng hạng) … thì huỷ kết quả trúng tuyển với viên chức đó, đồng thời không bổ sung viên chức khác thay thế.

V. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VÀ DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Số lượng, cơ cấu thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

(theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã về việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc quản lý và hướng dẫn tại Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức)

TT	Cấp học	Hạng chức danh nghề nghiệp *(không tính lãnh đạo, quản lý)*		Ghi chú
		Hạng II	Hạng I	
1	Mầm non	Không quá 50%	Không quá 10%	- Số người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung đảm bảo chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị. - Tạm thời không thực hiện xét thăng hạng CDNN với những đơn vị có tỉ lệ viên chức theo CDNN (không bao gồm lãnh đạo, quản lý) ở Hạng vượt quá tỉ lệ quy định. - Trường hợp chưa đủ số lượng theo tỷ lệ ở mỗi hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì số còn thiếu được cộng vào hạng thấp hơn liền kề và có thể lớn hơn tỷ lệ theo quy định.
2	Tiểu học	Không quá 50%	Không quá 10%	
3	THCS	Không quá 50%	Không quá 10%	

2. Danh sách người đủ tiêu chuẩn, điều kiện

Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và

quản lý viên chức; số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

Căn cứ kết quả tổng hợp nhu cầu của các trường: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trực thuộc quản lý; Ủy ban nhân dân xã thẩm định số lượng, chỉ tiêu thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập từ hạng III lên hạng II và từ hạng II lên hạng I của các trường trực thuộc quản lý.

(Chi tiết tại các phụ lục cơ cấu và phụ lục danh sách kèm theo)

VI. DỰ KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập theo quy định. Thành phần Hội đồng xét thăng hạng dự kiến có từ 05 đến 07 thành viên gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch UBND xã.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội.

- Ủy viên Hội đồng: Các đồng chí là Phó Trưởng phòng và chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng:

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết.

Hội đồng xét thăng hạng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (*sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ*); Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người dự xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

VII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, KINH PHÍ TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

- Thời gian tổ chức xét thăng hạng: Dự kiến từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2026 (*Thời gian cụ thể sẽ được thông báo trên Cổng thông tin điện tử xã Nam Sách*).

- Địa điểm: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Nam Sách.

- Kinh phí tổ chức xét thăng hạng: Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2026.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn xã Nam Sách năm 2026.

- Tham mưu UBND xã thông báo công khai Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện việc tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo đúng quy định.

- Tham mưu UBND xã ban hành: Quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn xã Nam Sách năm 2026; Quyết định thành lập Ban Giám sát xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn xã Nam Sách năm 2026.

- Tham mưu Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp: Quyết định thành lập các bộ phận giúp việc (nếu có); quyết định thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng.

- Thông báo thời gian, địa điểm thực hiện các bước cụ thể và hướng dẫn các biểu mẫu, nội dung cụ thể trong tổ chức xét thăng hạng.

- Căn cứ vào nhu cầu, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc được giao, đối tượng và danh sách viên chức được các đơn vị đăng ký đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét ban hành kèm theo Đề án, tiếp nhận hồ sơ của người đã đăng ký xét thăng hạng, tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Chủ trì tham mưu cho Hội đồng xét thăng hạng toàn bộ các nội dung về chấm điểm hồ sơ dự xét thăng hạng và chuẩn bị các nội dung cho Ban thẩm định hồ sơ thuộc Hội đồng xét thăng hạng (*bao gồm cả phần biểu mẫu Biên bản ghi ý kiến trong thành phần hồ sơ của viên chức dự xét*).

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã Quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức đạt kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn xã Nam Sách năm 2026.

2. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập

-Thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn xã Nam Sách năm 2026 tới viên chức đơn vị.

- Căn cứ vào nhu cầu, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc được giao, đối tượng và danh sách viên chức đăng ký đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét ban hành kèm theo Đề án, rà soát hồ sơ của người đã đăng ký xét thăng hạng, tổ chức thẩm định sơ duyệt hồ sơ và lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng kèm theo hồ sơ dự xét theo quy định gửi về UBND xã *(qua Phòng Văn hóa - Xã hội)*, đồng thời phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

- Công khai các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp tại đơn vị. Tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, phản ánh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết. Chịu trách nhiệm về danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử đi dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

3. Phòng Kinh tế

Hướng dẫn, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội lập dự toán, thanh, quyết toán kinh phí tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã

Thực hiện đăng tải công khai: Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập; Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập; Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

Trên đây là Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn xã Nam Sách năm 2026./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ thành phố;
- Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố; *(để báo cáo)*
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ NAM SÁCH T.P HẢI PHÒNG

Phùng Văn Diện